TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2023/DS-PT
Ngày: 08-8-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản, tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dung đất vô hiệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thuý

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03, 04 và 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2023/TLPT-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc "tranh chấp về thừa kế tài sản, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dung đất vô hiệu".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2023/QĐ-PT ngày 17/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Võ Việt D, sinh năm 1964

2. Bà Võ Thị Ngọc D, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: A11/18, ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Võ Việt T, sinh năm 1967

Địa chỉ: A11/18, ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Ông Phạm Thành T, sinh năm 1981

Địa chỉ 170, Ông I, Phường Đ, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 170, Ông I, Phường Đ, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2021)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Võ M- Luật sư, Văn phòng Luật sư Tân Tạo, thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: số 1411, tỉnh Lộ J, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ban quản lý dự án, đầu tư xây dựng huyện C

Địa chỉ: Số 151, khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Ái V, sinh năm 1960

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: 332, ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

4. Bà Đoàn Thị H, sinh năm 1965

Địa chỉ: A11/18, Ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Võ Việt T, sinh năm 1967

Địa chỉ: A11/18A, Ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

(Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2023).

5. Bà Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1944

Địa chỉ: 46/1, ấp Xuân Thới Đ, xã Xuân Thới Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1961

Địa chỉ: A11/18, Ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Anh Nguyễn Võ Phước D, sinh năm 1980

Địa chỉ: A8/14 ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Anh Nguyễn Võ Phước D, sinh năm 1985

Địa chỉ: A8/14 ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Phạm Thị Cẩm H, sinh năm 1976

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

10. Bà Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1952, chết ngày 08/01/2023

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Võ Thị Ngọc Y:

1. Ông Võ Việt D, sinh năm 1964

2. Bà Võ Thị Ngọc D, sinh năm 1954

Cùng địa chỉ: A11/18 ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Võ Việt T, sinh năm 1967

Địa chỉ: A11/18A ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1944

Địa chỉ: 46/1 ấp Xuân Thới Đ, xã Xuân Thới Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1961

Địa chỉ: A11/18 ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Anh Nguyễn Võ Phước D, sinh năm 1980

Địa chỉ: A8/14 ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Anh Nguyễn Võ Phước D, sinh năm 1985

Địa chỉ: A8/14 ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc D, bị đơn ông Võ Việt T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 18/12/2018, 15/01/2019 và trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Việt D trình bày:

Ông D yêu cầu ông Võ Việt T chia di sản thừa kế đối với lô nền số 29 khu K tương đương số thửa 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2, tọa lạc tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Ông D yêu cầu được nhận toàn bộ thửa đất 3243.

Căn cứ cho yêu cầu: Cha ông Võ Việt D là Võ Văn B sinh năm 1921, chết năm 2009, mẹ là Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1926, chết năm 1968.

Ông Quận, bà Biện có 08 người con:

1. Võ Việt H, sinh năm 1956, chết khoảng năm 1997, có vợ tên Nguyễn Thị M, không biết năm sinh, chết năm không biết. Ông H và bà M có 03 người con tên Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Thanh P không nhớ năm sinh, ông D cũng không biết các người con Ông H còn sống hay chết và đang ở đâu.

2. Võ Thị Ngọc B, sinh năm 1958, chết năm 2018, chồng bà B tên Nguyễn Văn P, sinh năm 1954, chết năm 2006, ông P và bà B có 02 người con tên: Nguyễn Võ Phước D, sinh năm 1980 và Nguyễn Võ Phước D, sinh năm 1985 cùng địa chỉ: A8/14, ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Võ Thị Ngọc D, sinh năm 1954

4. Bà Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1961

5. Bà Võ Thị Ngọc P, sinh năm 1944

6. Bà Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1952, bà Y chết ngày 08/01/2023, bà Y không có chồng, con

7. Ông Võ Việt T, sinh năm 1967

8. Ông Võ Việt D, sinh năm 1964.

Ông Võ Văn B là chủ sử dụng thửa đất 885, diện tích 6.042m^2 và thửa 886, diện tích 3.982m^2, cùng loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã T nay là thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996.

Ngày 27/8/1997, ông B lập di chúc phân chia đất cho các con: Ông D được chia phần đất diện tích 3.750m^2 thuộc một phần thửa đất 885; ông T được chia phần đất diện tích 3.750m^2 thuộc một phần thửa đất 886; bà D được chia phần đất diện tích 1.250m^2 thuộc một phần thửa đất 885; bà Y được chia phần đất diện tích 1.250m^2 thuộc một phần thửa đất 886.

Năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện Cc thu hồi thửa đất 885 và 886 để giao cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn S làm chủ đầu tư, số tiền bồi thường thiệt hại giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 665.635.000 đồng. Ông T đại diện nhận tiền và đã chia cho 04 anh chị em, trong đó D và T, mỗi người nhận là 240.000.000 đồng, bà D và bà Y mỗi người 65.000.000 đồng, ông D và ông T trích ra mỗi người 90.000.000 đồng để phụng dưỡng ông B, ông T giữ số tiền này.

Theo phương án thu hồi hỗ trợ tái định cư, ông Võ Văn B được nhận chuyển nhượng 02 lô nền tái định cư, mỗi lô là 100m^2, giá ưu đãi cho mỗi lô nền là 80.000.000 đồng. Đối chiếu di chúc ngày 27/8/1997, ông D và ông T mỗi người được hưởng phần đất lúa bằng nhau có diện tích là 3.750m^2, do đó, ông D và ông T mỗi người được mua một nền tái định cư 100m^2.

Ông T đã đăng ký mua 02 nền tái định cư tại vị trí Lô 29 khu K và Lô 37 khu J. Ông Võ Việt D yêu cầu được nhận Lô nền 29 khu K, lô nền này ông T và vợ đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Ái V và bà Nguyễn Thị M bằng giấy tay với giá tiền là 325.000.000 đồng. Ông D sẽ trả lại cho ông V, bà M số tiền chuyển nhượng là 325.000.000 đồng và trả số tiền mua lô nền là 80.000.000 đồng cho ông T. Ông D không đồng ý với giá Lô nền 29 khu K là 1.946.700.000 đồng theo yêu cầu định giá lại của bà M và ông D yêu cầu lấy giá lô nền 29 lô K là 1.600.000.000 đồng để giải quyết.

Bà Võ Thị Ngọc Y chết ngày 19/01/2023. Bà Y không có chồng, cũng không có con ruột và con nuôi. Ông D yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của bà Y vì ông D là người đang thờ cúng bà Y.

Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc D trình bày: Bà D yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Võ Văn B là lô nền 29 khu K tương ứng với thửa 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2, bà D rút yêu cầu chia thừa kế lô nền số 37 khu J.

Số tiền bồi thường ông T đại diện nhận đã chia cho các người con hưởng theo di chúc của ông B. Đối với 02 nền tái định cư là lô 29 khu K và lô 37 khu J phát sinh sau khi chia tiền nên bà D yêu cầu ông T chia thừa kế lô nền tái định cư số 29 khu K theo quy định của pháp luật, chia làm 08 phần cho các người thừa kế của ông B, con của ông Võ Việt H vẫn được một phần mặc dù hiện tại không biết họ ở đâu. Phần của bà Võ Thị Ngọc Y đã chết sẽ do ông Võ Việt D quản lý để lo ma chay, mồ mả và giỗ cho bà Y sau này.

Đối với giá trị lô nền 29 khu K: Bà D không đồng ý giá trị 1.946.700.000 đồng được định giá ngày 28/12/2022 và yêu cầu lấy giá đã định giá vào ngày 01/06/2020 là 1.600.000.000 đồng để chia thừa kế.

Lô nền 29 khu K, ông T đã bán cho bà M thì ông T trả tiền cho bà M là 325.000.000 đồng theo giá bán năm 2010.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc D:

Bà Võ Thị Ngọc T trình bày: Về người thừa kế của ông Võ Văn B và bà Võ Thị Ngọc Q, bà T đồng ý lời trình bày của ông D và các anh chị em. Bà T cũng không biết được thông tin nơi cư trú 03 người con của Ông H và bà M nên không cung cấp được cho Tòa án.

Về 02 lô nền tái định cư là lô 37 khu J và 29 khu K: Năm 2006, các anh em thống nhất ủy quyền cho người em út là ông Võ Việt T đại diện đi nhận tiền bồi thường đất của cha mẹ về chia cho ông T, ông D, bà D, bà Y theo di chúc của ông B. Còn lại bà T, bà P và bà Bích không được chia. Nền tái định cư lô 37 khu J, anh chị em đều đồng ý để cho ông Võ Việt T được nhận mua và được toàn quyền sở hữu lô nền tái định cư này và ông T đã bán cho bà Hồng. Bà T không yêu cầu chia lô nền tái định cư 37 Khu J.

Khoảng năm 2010, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C (nay là Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện C) căn cứ vào quy định cho ông B mua thêm 01 nền tái định cư là nền số 29 khu K tương đương với thửa đất 3243, tờ bản đồ số 3, diện tích là 100m^2, đất tại khu phố L, thị trấn C. Ông T làm thủ tục mua nền và chuyển nhượng cho bà M.

Bà T yêu cầu chia thừa kế lô nền 29 khu K, yêu cầu được nhận 1/8 giá trị lô nền 29 khu K theo giá đã được xác định vào ngày 01/6/2020 là 1.600.000.000 đồng. Tuy bà Y đã chết nhưng vẫn chia phần cho bà Y và phần của bà Y sẽ do ông D quản lý để lo việc mồ mã và cúng giỗ cho bà Y.

Bà Võ Thị Ngọc P là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà D trình bày:

Bà Võ Thị Ngọc P sau khi làm đơn yêu cầu chia thừa kế thì ủy quyền cho ông D rồi làm đơn xin xử vắng mặt. Tại Biên bản hòa giải ngày 07/3/2022, bà P yêu cầu được chia 01 phần thừa kế trong lô nền 29 khu K, yêu cầu ông Võ Việt T chia cho bà P 1/7 giá trị lô nền, giá trị lô 29 khu K đã định giá năm 2020 là 1.600.000.000 đồng để chia thừa kế.

Anh Nguyễn Võ Phước D sinh năm 1980 trình bày tại Biên bản hòa giải ngày 07/3/2022 và có ý kiến cho Nguyễn Võ Phước D sinh năm 1985 là không yêu cầu chia thừa kế lô nền tái định cư lô 29 khu K và 37 khu J, anh D yêu cầu Tòa án chỉ tính 06 phần lấy phần thừa kế của các người con của bà Nguyễn Thị Ngọc B chia cho các người thừa kế khác nếu có.

Bà Võ Thị Ngọc Y sau khi xét xử sơ thẩm lần 1, bà Y kháng cáo yêu cầu được chia thừa kế lô nền 29 khu K và ủy quyền cho ông D ngày 17/12/2020 đến ngày 08/01/2023 bà Y chết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Ái V trình bày: Ngày 14/10/2010, vợ chồng ông V, bà M có mua của vợ chồng ông T lô nền tái định cư số 29 khu K, nay là thửa 3243, tờ bản đồ số 3, diện tích 100m^2 với giá là 325.000.000 đồng. Khi bán nền tái định cư, ông T giao bản chính Phiếu thu ngày 12/8/2010 và Biên bản bàn giao nền tái định cư ngày 13/8/2010, ông V và bà M đã trả đủ 325.000.000 đồng cho ông T bà H.

Ông V và bà M yêu cầu vợ chồng ông T làm thủ tục chuyển quyền thửa đất 3243 cho bà M, ông V sử dụng, trường hợp anh em ông T tranh chấp chia thừa kế lô nền thì yêu cầu vợ chồng ông T trả lại số tiền đã nhận và bồi thường giá trị đất chênh lệch của lô nền tái định cư theo giá thẩm định lại là 1.946.700.000 đồng.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Võ M trình bày ý kiến của ông Võ Việt T đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu chia thừa kế toàn bộ lô nền tái định cư 29 khu K của ông Võ Việt D: ông T không đồng ý. Khi ông T đi nhận tiền đem về chia cho anh chị em thì có thông báo việc mua lô nền 37 khu J, anh chị em không ai có nhu cầu nên ông T đăng ký mua và bán cho bà Hồng. Lô nền 37 Khu J ông T mua lúc ông B còn sống do đó đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông D. Ông D đang ở lô nền tái định cư có liên quan đến thửa đất 887 của ông B, đề nghị Tòa án xác minh việc ông D đang sử dụng lô nền này có nguồn gốc như thế nào.

Đối với yêu cầu chia thừa kế lô nền làm 08 kỷ phần của nguyên đơn là bà D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà D: Lô nền này ông T mua vào năm 2010 là mua do quen biết với tư cách cá nhân không liên quan đến việc thu hồi đất của ông B cho nên ông T cũng không đồng ý chia thừa kế lô nền 29 khu K nay là thửa 3243, tờ bản đồ số 3, diện tích 100m^2 theo yêu cầu của các anh chị em của ông T.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà M và ông V: Bà M và ông V mua nền tái định cư của ông T bán và biết ông T chưa có giấy chứng nhận là bà M ông V có lỗi, ông T không đồng ý chuyển quyền cho bà M và ông V lô nền tái định cư và yêu cầu hủy việc chuyển nhượng, ông T chỉ trả lại cho bà M số tiền đã nhận là 325.000.000 đồng mà không bồi thường giá trị đất chênh lệch cho bà M.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 17-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã xử:

"Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 227; Khoản 2 Điều 244; Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 153; 586; 660 và 670 của Bộ luật Dân sự năm 1995;

Áp dụng các Điều 128; 137; 163 và 181 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng các Điều 623; 649; 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 166; 170 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc D về chia thừa kế đối với lô nền tái định cư 37 khu J.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Việt D nhận toàn bộ lô nền tái định cư 29 khu K.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Việt D về việc chia thừa kế.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ngọc D, bà Võ Thị Ngọc P, bà Võ Thị Ngọc T.

5. Ông Võ Việt T được sử dụng lô nền tái định cư số 29 khu K nay là thửa đất số 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2, loại đất ở nông thôn, đất tại khu phố L, thị trấn C, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ông Võ Việt T có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 3243, tờ bản đồ số 03, diện tích 100m^2, loại đất ở nông thôn, đất tại khu phố L, thị trấn C, huyện C.

6. Ông Võ Việt T có nghĩa vụ chia lại cho bà Võ Thị Ngọc D, ông Võ Việt D, bà Võ Thị Ngọc P, bà Võ Thị Ngọc T mỗi người số tiền là 311.116.616 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

7. Tạm giao cho ông Võ Việt T quản lý kỷ phần của ông Võ Việt H số tiền 311.116.616 đồng. Sau này, các đồng thừa kế của Ông H có quyền khởi kiện ông T để chia thừa kế, nếu thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

8. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ái V, bà Nguyễn Thị M đòi ông Võ Việt T chuyển quyền sang tên cho ông V đứng tên lô nền số 29 khu K tương ứng với thửa đất số 3243, tờ bản đố số 03, diện tích 100m^2, loại đất ở nông thôn, đất tại khu phố L, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

9. Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Ái V, bà Nguyễn Thị M với ông Võ Việt T và bà Đoàn Thị H đối với lô nền số 29 khu K tương ứng với thửa đất số 3243, tờ bản đố số 03, diện tích 100m^2, loại đất ở nông thôn, đất tại khu phố L, thị trấn C, huyện C theo tờ giao kèo buôn bán đất ngày 14/10/2010.

10. Buộc ông Nguyễn Ái V và bà Nguyễn Thị M trả lại cho ông Võ Việt T lô nền số 29 khu K tương ứng với thửa đất số 3243, tờ bản đố số 03, diện tích 100m^2, loại đất ở nông thôn, đất tại khu phố L, thị trấn C, huyện C.

11. Buộc ông Võ Việt T và bà Đoàn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả và bồi thường cho ông Nguyễn Ái V và bà Nguyễn Thị M số tiền 1.135.850.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án."

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 24/4/2023, bị đơn ông Võ Việt T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 28/4/2023, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc D nộp đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia di sản thừa kế và giao lô nền tái định cư số 29, khu K nay là thửa 3243, tờ bản đồ số 3, diện tích 100m^2, tọa lạc tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An cho ông Võ Việt D để ông D hoàn giá trị lại cho bà.

Tại phiên toà phúc thẩm,

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên không thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn ông Võ Việt T thay đổi yêu cầu kháng cáo là yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì lô nền tái định cư số 29 là tài sản riêng của ông T.

Tại phiên tòa ngày 03/8/2023, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày là việc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Võ Phước D, sinh năm 1985 chưa có văn bản từ chối nhận di sản nên cần xem xét triệu tập anh D, sinh năm 1985 tham gia tố tụng để ghi nhận ý kiến của anh D, sinh năm 1985 về việc chia di sản thừa kế của ông Võ Văn B và yêu cầu Tòa án xác minh hiện ông Võ Việt H hiện còn sống hay đã chết, nếu Ông H đã chết thì xác minh Ông H có những ai là hàng thừa kế thứ nhất để chia thừa kế đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 04/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Võ Phước D, sinh năm 1985 yêu cầu cho anh được nhận di sản thừa kế của ông Võ Văn B để lại theo quy định của pháp luật, anh D xác định anh chưa có văn bản cũng như bất kỳ ý kiến nào về việc từ chối nhận di sản của ông B để lại mà cấp sơ thẩm lại không xem xét chia thừa kế cho anh và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập anh tham gia mà dựa vào ý kiến trình bày của anh Phước D sinh năm 1980 là anh của anh để xác định ý chí của anh, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của anh. Đơn xin vắng mặt (bút lục số 279) không phải do anh viết, chữ ký, chữ viết trong đơn xin vắng mặt này

không phải của anh. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh không hề được thông tin cũng như mời làm việc nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết lại và chia kỷ phần thừa kế mà anh được hưởng để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của anh.

Luật sư Võ M là người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Võ Việt T phát biểu:

Đề nghị sửa án sơ thẩm vì quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là không xem xét toàn diện vụ án nên ban hành bản án không thỏa đáng khi tuyên công nhận lô nền số 29 khu K là di sản của ông Võ Văn B chết để lại, buộc bị đơn phải thối hoàn giá trị lô nền cho các đồng thừa kế khác, đồng thời tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng giữa ông V, bà M với ông T và buộc ông T phải trả lại số tiền và giá trị tăng tại thời điểm xét xử vụ án trong khi đó số tiền 80.000.000 bị đơn bỏ ra để mua lô nền 29 khu K vào năm 2010 thì tại thời điểm xét xử cấp sơ thẩm vẫn giữ nguyên giá trị là không hợp lý.

Khi ông T mua lô nền 29 thì ông T có thông báo cho ông D và các đồng thừa kế khác nhưng họ đều không có nhu cầu mua nên ông T tự bỏ số tiền của cá nhân ông T là 80.000.000 đồng để mua lô nền 29. Khi ông T bán lô nền này với giá 325.000.000 đồng thì các đồng thừa kế đều không có ý kiến gì vì họ biết họ không có quyền gì đối với lô nền 29, cho đến khi ông V cấp giấy không được vì khi đó ông B đã chết nên cần chữ ký của các đồng thừa kế còn lại thì nguyên đơn mới khởi kiện tranh chấp.

Giấy ủy quyền của ông B cho ông T chỉ ủy quyền cho ông T nhận tiền bồi thường không ủy quyền mua nền tái định cư với giá ưu đãi, ông T đã sử dụng giấy ủy quyền này để nhận tiền đền bù và đã chia cho các anh chị em tiền tương ứng với di chúc và trích ra phần tiền để ông B dưỡng già. Từ đó xác định lô nền 29 không phải di sản thừa kế của ông B mà lô nền này ông T mua được với tư cá nhân của ông T và là tài sản riêng của ông T. Trong trường hợp xác định đây là di sản thừa kế thì việc chia thừa kế của cấp sơ thẩm cũng không đúng quy định pháp luật vì cấp sơ thẩm xem xét hàng thừa kế được hưởng khi chia là không đúng đối với kỷ phần của Ông H, bà Y và bà B. Khi chia thừa kế thì cấp sơ thẩm không xem xét công sức đóng góp trong việc hình thành, quản lý, tôn tạo di sản của ông T là thiếu sót. Ông T bỏ ra số tiền 80.000.000 đồng để mua lô nền vào năm 2010, sau đó ông T bán ra chỉ với giá 325.000.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế với số tiền 1.946.700.000 đồng theo giá hiện tại là không hợp lý mà nếu có việc chia thừa kế thì Tòa án phải lấy số tiền 325.000.000 đồng trừ đi số tiền 80.000.000 đồng còn lại chia kế thì mới đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Võ Phước D, sinh năm 1985 xác định anh không từ chối nhận di sản của ông Võ Văn B, anh yêu cầu được chia thừa kế của ông B theo quy định của pháp luật và xác định tòa án cấp sơ thẩm không thông báo cho anh biết việc kiện và anh cũng không ủy quyền cho ai từ chối phần di sản mà mình được hưởng. Ngoài ra, việc Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế đối với lô nền số 29 của ông Võ Văn B để lại mà không tính công sức của ông T trong việc gìn giữ, tôn tạo di sản mà chỉ khấu trừ số tiền 80.000.000 đồng ông T bỏ ra để đóng tiền mua lô nền là thiếu sót. Xét việc cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 24/4/2023, bị đơn ông Võ Việt T kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 28/4/2023, nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc D kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, giao lô nền tái định cư số 29, Lô K nay là thửa 3243, tờ bản đồ số 3, diện tích 100m^2, tọa lạc tại thị trấn C, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An cho ông Võ Việt D. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông T và ông T đã đóng tiền tạm ứng án phí đúng thời hạn nhưng tại Thông báo kháng cáo số 41/TB-TA ngày 05/5/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm chỉ ra thông báo kháng cáo đối với yêu cầu kháng cáo của bà D mà không thể hiện nội dung kháng cáo của ông T trong thông báo kháng cáo là thiếu sót. Tuy nhiên, kháng cáo của bị đơn ông T, nguyên đơn bà D đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Việc xét xử vắng mặt các đương sự: các đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Võ Phước D, sinh năm 1985 xác định anh không từ chối nhận di sản của ông Võ Văn B, anh yêu cầu được chia thừa kế của ông B theo quy định của pháp luật. Nhận thấy quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm không tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh D, sinh năm 1985 theo đúng quy định mà tiến hành xét xử vắng mặt anh D, sinh năm 1985 là vi phạm tố tụng. Tại bút lục số 279 thể hiện anh D, sinh năm 1985 có đơn xin giải quyết vắng mặt, tuy nhiên anh D, sinh năm 1985 xác định đơn này không phải do anh viết và ký tên, anh không biết gì về nội dung vụ án và đơn vắng mặt này, nhận thấy cấp sơ thẩm khi nhận đơn giải quyết vắng mặt không có chứng thực chữ ký mà không lập biên bản giao nhận với người nộp nên không xác định được ai là người nộp đơn này, chữ ký trong đơn vắng mặt có phải của anh D hay không mà giải quyết vắng mặt anh D, sinh năm 1985 là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Sau khi giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm tống đạt bản án và thông báo kháng cáo cho anh D, sinh năm 1985 cho bà Võ Thị Ngọc

T, sinh năm 1961. Địa chỉ: A11/18 ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh và bà T cam kết giao lại cho anh D, sinh năm 1985 là không đúng quy định pháp luật. Vì bà T là cô ruột của anh D, sinh năm 1985 nhưng không sống cùng hộ khẩu, địa chỉ với anh D sinh năm 1985 (anh D sống tại địa chỉ: A8/14 ấp A, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án tống đạt cho bà T và yêu cầu cam kết giao lại là không đúng quy định nên anh D, sinh năm 1985 không biết và không nhận được bản án để thực hiện quyền kháng cáo của mình làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của anh D, sinh năm 1985.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông D xác định "ông Võ Việt H, chết khoảng năm 1997, có vợ tên Nguyễn Thị M, không biết năm sinh, không biết còn sống hay đã chết. Ông H và bà M có 03 người con tên Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Thanh P" tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ hiện Ông H còn sống hay đã chết (chưa thu thập, xác minh giấy chứng tử hoặc làm rõ về căn cứ, sự kiện pháp lý nào xác định hiện Ông H đã chết). Trong trường hợp Ông H chết thì Ông H có những ai là hàng thừa kế, 03 người ông D khai chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị T1 và anh Nguyễn Thanh P là con Ông H, vậy có căn cứ gì xác định đây là con Ông H, lý do vì sao Ông H họ Võ còn các anh chị này lại họ Nguyễn. Cấp sơ thẩm chưa xác minh rõ những vấn đề này mà quyết định tạm giao kỷ phần Ông H được hưởng cho người đang quản lý di sản là không đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Ngoài ra, khi chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ khấu trừ số tiền 80.000.000 đồng ông T bỏ ra vào thời điểm năm 2010. Tòa án cấp sơ thẩm xác định do ngày 13/8/2010, ông T được bàn giao lô nền tái định cư 29 khu K đến ngày 26/9/2010 và ngày 14/10/2010, ông T và vợ là bà H đã bán lô nền tái định cư cho ông V, bà M cho nên không xem xét đối với công sức đóng góp của ông T là chưa toàn diện. Căn cứ Văn bản số 614/BQLDAĐTXD-PTQD ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Ban quản lý dự án thì lô nền số 29 là nền tái định cư được đăng ký mua với giá ưu đãi, ông T là người đại diện đứng ra đóng số tiền 80.000.000 đồng tại thời điểm năm 2010 theo phiếu thu số 251 ngày 12/8/2010 (Bút lục số 21) để được cấp lô nền tái định cư nên cần xác định ông T có công gìn giữ, tôn tạo, duy trì và là người đứng ra thực hiện các giấy tờ, thủ tục theo yêu cầu để được cấp lô nền tái định cư. Ông T không có yêu cầu cụ thể về việc xem xét công sức đóng góp của mình vào việc quản lý, tôn tạo, duy trì di sản thừa kế vì ông không đồng ý chia di sản thừa kế do ông xác định đây là tài sản riêng của ông nên yêu cầu không đồng ý chia thừa kế đối với di sản thừa kế lớn hơn yêu cầu xem xét về công sức đóng góp nên ngoài kỷ phần ông T được hưởng thì nên xem xét thêm cho ông T công sức đóng góp để bù đắp lại công tôn tạo, duy trì di sản thừa kế của ông T.

[6] Từ những nhận định trên, nhận thấy cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đảm bảo hai cấp xét xử, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân

huyện Cần Giuộc, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc giải quyết lại theo trình tự thủ tục sơ thẩm.

[7] Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng: Được Tòa án xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Ngọc D, bị đơn ông Võ Việt T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông T tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2023/DS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc về việc "tranh chấp về thừa kế tài sản, tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dung đất vô hiệu" giữa nguyên đơn ông Võ Việt D, bà Võ Thị Ngọc D và bị đơn ông Võ Việt T.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc giải quyết lại theo trình tự thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm: Bà Võ Thị Ngọc D, bị đơn ông Võ Việt T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Võ Việt T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012060 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Thúy